TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRỰC NINH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **37**/2023/HNGĐ-ST.
Ngày 17 - 03 - 2023.
V/v: "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Chu Thái Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Hồng Thái

Bà Hoàng Thị Thu Hường

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thanh Hiếu – Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 144/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thanh H, sinh năm 2000; Nơi cư trú: Thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Đinh Văn T; sinh năm 1991; Nơi cư trú: Đội 6, xã L, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị H có mặt, anh T lần thứ 2 vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn là chị Trần Thị Thanh H trình bày:

Chị và anh Đinh Văn T có tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 03 tháng 11 năm 2020 tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Nam Định. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng từ ngày 18/04/2021 thì vợ

chồng phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 18/04/2021 đến nay không ai quan tâm đến ai. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị ly hôn với anh Đinh Văn T.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 16/02/2023, tại biên bản lấy lời khai ông Đinh Văn V (bố đẻ của anh Đinh Văn T) trình bày:

Gia đình ông và anh T có biết việc chị Trần Thị Thanh H có đơn xin ly hôn đối với anh Đinh Văn T. Gia đình ông có thấy các giấy tờ của Tòa án gửi về do UBND xã L tống đạt nhưng gia đình từ chối không nhận. Ông xác nhận anh T và chị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã L. Quá trình chung sống, vợ chồng anh T chị H có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn thì ông không nắm rõ. Chị H tự ý bỏ nhà đi sau khi kết hôn được khoảng 04 tháng cho đến nay không liên lạc về gia đình ông nữa. Lần duy nhất chị H về là lấy Giấy chứng nhận kết hôn để làm thủ tục ly hôn. Hiện anh T đang đi làm ăn xa nhưng vẫn thường xuyên liên lạc và về thăm gia đình. Anh T có nói với gia đình là việc ly hôn là việc của chị H, anh không có ý kiến vì gia đình theo đạo Công giáo.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh T, chị H không có con chung. Gia đình ông được biết, sau khi chị H bỏ nhà đi thì có quan hệ tình cảm với người khác và hiện tại đã có 01 con riêng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng anh T, chị H không có tài sản chung, công nợ chung vì vợ chồng chỉ sống với nhau một thời gian ngắn.

Đối với các văn bản mà Toà án gửi về cho anh T ông nhận và có trách nhiệm thông báo nội dung văn bản cho anh T biết.

Tại phiên tòa:

Chị H vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện xin ly hôn với anh Đinh Văn T. Về con chung, tài sản chung, công nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 70; 71 BLTTDS;

Bị đơn mặc dù đã được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt và không xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, không có mặt tại phiên tòa là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS.

Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án khi bị đơn vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 là đúng quy định tại Điều 228 BLTTDS.

Về nội dung: Xét thấy vợ chồng chị H, anh T mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị Thanh H.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không xem xét.

Về tài sản, công nợ: Đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt văn bản tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn được biết. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án khi bị đơn vắng mặt lần thứ 2 dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ là đúng quy định tại Điều 228 BLTTDS.

Bị đơn mặc dù đã được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt và không xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, không có mặt tại phiên tòa là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS

[2] Về tình cảm: Chị Trần Thị Thanh H và anh Đinh Văn T có tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 03 tháng 11 năm 2020 tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Nam Định. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng từ ngày 18/04/2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 18/04/2021 nay không ai quan tâm đến ai.

Sau khi chị H có đơn khởi kiện xin ly hôn, Tòa án đã thông báo nội dung khởi kiện cho anh T được biết và nhiều lần triệu tập nhưng anh T cố tình vắng mặt không có lý do.

Theo yêu cầu thu thập chứng cứ của chị H, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ tại địa phương nơi anh T cư trú. Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/02/2023, ông Đinh Văn V (bố đẻ của anh Đinh Văn T) trình bày: Gia đình ông và anh T có biết việc chị Trần Thị Thanh H có đơn xin ly hôn đối với anh T. Gia đình ông có thấy các giấy tờ của Tòa án gửi về do UBND xã L tống đạt nhưng gia đình từ chối không nhận. Ông xác nhận anh T và chị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã L. Quá trình chung sống, vợ chồng anh T chị H có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn thì ông không nắm rõ. Chị H tự ý bỏ nhà đi sau khi kết hôn được khoảng 04 tháng cho đến nay không liên lạc về gia đình ông nữa. Lần duy nhất chị H về là lấy Giấy chứng nhận kết hôn để làm thủ tục ly hôn. Hiện anh T đang đi làm ăn xa nhưng vẫn thường xuyên liên lạc và về thăm gia đình. Anh T có nói với gia đình là việc ly hôn là việc của chị H,

anh không có ý kiến vì gia đình theo đạo Công giáo.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị H và anh T đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu, tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T đã thực sự tan vỡ, mục đích của hôn nhân không đạt được, không thể đoàn tụ với nhau được nữa nên việc chị H xin ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị H, anh T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Các đương sự có thể khởi kiện bằng vụ kiện khác về tài sản chung, công nợ nếu như có yêu cầu và có căn cứ chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ và đúng pháp luật.

[5] Về án phí: Chị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Toà án:

1. Xử ly hôn giữa chị Trần Thị Thanh H và anh Đinh Văn T.

2. Án phí: Chị Trần Thị Thanh H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự. Được trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002111 ngày 18/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định. Chị H đã nộp xong án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người pH thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã Trực Chính, huyện Trực Ninh;
- UBND xã L, huyện T, tỉnh Nam Định;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Chu Thái Hà